TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2021
"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng

Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 771/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hồ Nguyễn Hạnh N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố TL, phường CT, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: **Anh Chướng Tích T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: K32, ấp TA, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tường trình, biên bản đối chất nguyên đơn chị Hồ Nguyễn Hạnh N trình bày:*

Chị và anh Chướng Tích T, sau khi tìm hiểu đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Cam Thuận, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/03/2015.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, trong cuộc sống có những quan điểm khác nhau về cách nuôi dạy nuôi, kinh tế, tiền bạc, công việc, hai bên không nhận được sự chăm sóc, chia sẻ cùng nhau. Chị và anh T đã cố gắng liên lạc để hàn gắn nhưng không được.

Đến năm 2018, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Chướng Vĩnh K, sinh ngày 02/8/2016. Hiện tại cháu Chướng Vĩnh K đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Do bận việc và không thể hàn gắn được với anh T nên chị có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

** Tại bản bản tường trình đề ngày 21/12/2020, 05/01/2021, 28/4/2021 và biên bản đối chất bị đơn anh Chướng Tích T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N qua tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường Cam Thuận, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/03/2015.

Hôn nhân của anh và chị N ban đầu hạnh phúc, về sau có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chị N đã dẫn con trai về nhà mẹ đẻ ở Khánh Hòa sinh sống từ năm 2019 đến nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N, anh không đồng ý, bởi các lý do sau: Vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, có thể hàn gắn được; anh còn yêu chị N, mong muốn được đoàn tụ; con trai còn nhỏ nên không muốn con phải xa cha mẹ; anh là người có đạo nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Chướng Vĩnh K, sinh ngày 02/8/2016.

Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung vì anh có đủ các điều kiện để nuôi con theo quy định. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị N và anh T có đăng ký kết hôn tự nguyện nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không tìm ra tiếng nói chung trong công việc, chăm sóc con cái, quan điểm sống để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện anh T và chị N không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay.

Trong quá trình làm việc từ 10/2020 đến nay, anh T vẫn không đồng ý ly hôn bởi mình là người có đạo thì không được ly hôn và vẫn còn yêu thương vợ con. Tuy nhiên, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh vẫn không đưa ra được bất cứ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm gia đình với chị N. Hiện tại, hai người vẫn đang sống riêng. Bên cạnh đó, chị N xác định không còn tình cảm và cương quyết ly hôn với anh T nên xét thấy mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là Chướng Vĩnh K, sinh ngày 02/8/2016. Khi ly hôn, chị N và anh T đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét về điều kiện kinh tế thì anh T và chị N đều đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, hiện con chung đang còn nhỏ, cháu đang sinh sống ổn định cùng với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống cho con chung nên tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị N không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Hồ Nguyễn Hạnh N có đơn yêu cầu ly hôn với anh Chướng Tích T, địa chỉ tại: K32, ấp Thuận An, xã Sông Thao, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu tòa án xác định người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Do đó, chị N được xác định là nguyên đơn, anh T được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N qua tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường Cam Thuận, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/03/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T và được Tòa án thụ lý ngày 05/10/2020, nên áp dụng thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là có thật. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc do phát sinh mâu thuẫn, hai người không còn tiếng nói chung. Hai người không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Điều này được chị N và anh T thừa nhận tại bản tường trình (BL: 56-60). Anh T không đồng ý ly hôn với chị N, mong muốn được hàn gắn nhưng trong suốt quá trình tố tụng, anh T không đưa ra phương án gàn gắn, hòa giải để hai người về sống chung. Bên cạnh đó, chị N kiên quyết ly hôn, không mong muốn được hàn gắn với anh T. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các canh việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Như vậy, chị N và anh T không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, không cùng mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Về con chung: Hai người có 01 con chung là Chướng Vĩnh K, sinh ngày 02/8/2016. Khi ly hôn, chị N và anh T đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét về điều kiện kinh tế thì cả hai đều đủ điều kiện để nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện con chung còn nhỏ và đang sống ổn định, phát triển bình thường cùng chị N, nhằm tránh sự ảnh hưởng về tâm sinh lý của con nền cần tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên không giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

[3].Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Nguyễn Hạnh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Nguyễn Hạnh N được ly hôn với anh Chướng Tích T.

2. Về con chung: Giao cháu Chướng Vĩnh K, sinh ngày 02/8/2016 cho chị Hồ Nguyễn Hạnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Hồ Nguyễn Hạnh N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005822 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị N đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- UBND phường Cam Thuận, TP. Cam Ranh, Khánh Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán;

Mẫu 52-DS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Phú Tra